

UBND HUYỆN DIỄN CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN PHÚC

Phụ lục 1

DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024-2025

Mẫu giáo 4-5 tuổi(Thời gian thực hiện 35 tuần)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
1	Trường Mầm non – Bé vui trung thu(3 tuần)	- Bé vui đón tết trung thu	1	9/9 - 13/9/2024
		- Lớp Mẫu giáo của bé	2	16/9 - 20/9/2024
		- Trường mầm non thân yêu	3	23/9 - 27/9/2024
2	Bản thân-Ngày hội 20/10 (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	4	30/10 - 4/10/2024
		- Cơ thể bé và bạn	5	7/10 - 11/10/2024
		- Bé cần gì để lớn lên và mạnh khỏe	6	14/10 - 18/10/2024
3	Gia đình bé- Vui ngày hội cô giáo (5 tuần)	- Gia đình bé	7	21/10 - 25/10/2024
		- Ngôi nhà bé ở	8	28/10 - 1/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé	9	4/11 - 8/11/2024
		- Vui hội cô giáo	10	11/11 - 15/11/2024
		- Nhu cầu của gia đình	11	18/11 - 22/11/2024
4	Nghề nghiệp- Ngày TLQĐNDVN (4 tuần)	- Nghề trồng trọt	12	25/11 - 29/11/2024
		- Nghề xây dựng	13	2/12 - 6/12/2024
		- Nghề bác sỹ.	14	9/12 - 13/12/2024
		- Ngày tết của các chú bộ đội	15	16/12 - 20/12/2024
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12 - 27/12/2024
		- Động vật sống dưới nước	17	30/12 - 3/1 /2025
		- Động vật sống trong rừng	18	6/1 -10/1 /2025
		- Côn trùng(1 số loài chim)	19	13/1 - 17/1 /2025
6	Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân- Ngày 8/3(6 tuần)	- Bé vui đón tết	20	20/1 - 24/1 /2025
		- Mùa xuân và những cây xanh	21	10/2 - 14/2 /2025
		- Một số loại rau- củ	22	17/2 - 21/2 /2025
		- Những bông hoa đẹp	23	24/2 - 28/2 /2025
		- Ngày 8/3	24	03/3 - 07/3/2025
		- Một số loại quả	25	10/3 - 14/3 /2025
7	PT và quy định PTGT (3 tuần)	- PT và QĐGT đường bộ, đường sắt	26	17/3 - 21 /3/2025
		- PT và QĐGT đường thủy	27	24/3 - 28/3 /2025
		- PT và QĐGT đường không	28	31/3 - 4/4/2025
8	Nước và các HT TN (3 tuần)	- Sự kỳ diệu của nước	29	7/4 -11/4/2025
		- Một số hiện tượng tự nhiên.	30	14/4 - 18/4/2025
		- Sự kỳ diệu của đá, cát, sỏi	31	21/4 - 25/4/2025
9	Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (4 tuần)	- Diễn Phúc quê hương em	32	28/4 - 2/5/2025
		- Diễn Châu mến yêu	33	5/5 - 9/5/2025
		- Bác Hồ kính yêu và mừng SN Bác	34	12/5 - 16/5/2025
		- Du lịch Nghệ An	35	19/5 - 23/5/2025

KẾ HOẠCH
CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CS - GD TRẺ 4 – 5 TUỔI
NĂM HỌC 2024 -2025

I. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC VỆ SINH - DINH DƯỠNG

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1 Tổ chức bữa ăn <i>a.Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> <i>b. Chăm sóc bữa ăn</i>	+ Tổ chức cho trẻ ăn 1 bữa chính và một bữa phụ. + Thực đơn được thay đổi theo mùa, gồm có cơm, món mặn, món xào, canh, hoa quả tráng miệng. + Nước uống: Khoảng 1,6 -2,0 l/trẻ/ngày(kể cả trong thức ăn). - Mùa đông trẻ uống nước ấm, mùa hè cho trẻ uống nước đun sôi để nguội. - Trước khi ăn: Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa. - Chú ý rèn trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; - Trong khi ăn: - Cô chia cơm ra từng bát, trộn đều cho trẻ ăn ngay sau khi chia, không để trẻ ngồi đợi lâu. - Trong khi ăn cần tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho trẻ trong khi ăn, động viên, khuyến khích trẻ ăn hết khẩu phần, không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn. + Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: + Trong khi ăn cần chú ý đề phòng tránh hóc, sặc ở trẻ. Thường xuyên thông tin kịp thời với phụ huynh về tình trạng trẻ biếng ăn để có biện pháp chăm sóc. + Sau khi ăn: Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đánh răng, đi vệ sinh....	Ban giám hiệu, Giáo viên, nhân viên, cô nuôi, Phụ huynh	<i>-BGH nhà trường có sự điều chỉnh sau khi nhận được ý kiến từ giáo viên, phụ huynh</i>
3.2 Tổ chức giấc ngủ	<i>a. Trước khi trẻ ngủ</i>	BGH, Giáo	

	- Trẻ cùng cô chuẩn bị phản ngủ, chiều - Trước khi trẻ ngủ, nhắc nhở trẻ đi vệ sinh, hướng dẫn trẻ lấy chăn, gối... - Bố trí chỗ ngủ sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. * Trong khi ngủ: - Trong khi trẻ ngủ giáo viên trực để quan sát, phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra. C. Sau khi ngủ - Sau khi ngủ dậy, trẻ nào thức giấc trước cô cho dậy trước, tránh đánh thức cùng một lúc ảnh hưởng đến trẻ khác và sinh hoạt của lớp. Không nên đánh thức trẻ dậy sớm trước khi trẻ tự thức giấc vì dễ làm cho trẻ cáu kỉnh, mệt mỏi. - Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức, nhắc trẻ đi vệ sinh. Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều.	viên chủ nhiệm, cô nuôi	
3.3. Tổ chức vệ sinh <i>a. Vệ sinh cô:</i> <i>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</i> <i>c) Vệ sinh môi trường</i>	- Quần áo luôn gọn gàng, sạch sẽ - Thân thể sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, móng tay cắt ngắn. - Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm + Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Cô giáo chuẩn bị đầy đủ dụng cụ để vệ sinh cho trẻ . + Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện vệ sinh cá nhân đúng quy trình + Tập cho trẻ có thói quen uống nước và súc miệng đánh răng sau khi ăn. + Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi: Hàng tuần GV lên lịch vs ít nhất 1 lần / tuần. + Vệ sinh phòng nhóm: Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày Nhà		

	vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về + Xử lý rác, nước thải Phải có thùng rác tại các lớp. Nhắc trẻ có ý thức giữ gìn vs chung. + Giữ sạch nguồn nước: Khơi thông cống rãnh, nguồn nước đảm bảo. Chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường		
3.4.Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn <i>a) Chăm sóc sức khỏe</i> <i>b) Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</i> <i>c) Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i>	+ Khám sức khỏe định kì: Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; + Khám điều trị chuyên khoa: Phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa + Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao + Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ - Trẻ 4-5 tuổi theo dõi cân nặng 3 tháng/lần; theo dõi chiều cao vào tháng 9 và tháng 3 của năm học. + Theo dõi tình trạng dinh dưỡng: Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: + Phát hiện và chăm sóc trẻ ốm: Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm, cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ + Phát hiện và xử lý ban đầu của một số bệnh thường gặp: Gv biết xử lý một số tình huống đơn giản - Thực hiện nghiêm cách phòng chống dịch Covid- 19 của bộ y tế trong trường + An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường.	- BGH - Giáo viên chủ nhiệm, - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Diên Châu - Phụ huynh	

	- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt - Có tủ thuốc tại nhà trường và có đủ các loại thuốc thông dụng. - Giáo viên dành thời gian tiếp xúc vui vẻ với trẻ . Tránh gò ép, dọa nạt, phê phán trẻ + An toàn tính mạng: - Không để xảy ra tai nạn và thất lạc trẻ - Sàn nhà vệ sinh khô ráo, tránh trơn trượt - Không cho trẻ tiếp xúc với người lạ mặt hoặc nhận quà từ người lạ. - Kịp thời Giải quyết những vấn đề về CSVC chưa đảm bảo an toàn để có biện pháp sửa chữa:		
4.Chăm sóc trẻ khuyết tật	- Cô quan tâm gần gũi - Có đầy đủ hồ sơ trẻ khuyết tật, - Có kế hoạch và chăm sóc trẻ khuyết tật phù hợp theo từng dạng khuyết tật, theo dõi sự tiến bộ của trẻ.	BGH, giáo viên, phụ huynh	

II. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	+ Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng + Tập các bài tập thể dục thường xuyên + Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. + Cân đo và khám sức khỏe định kỳ + Cân nặng: - Trẻ trai: 14.1-24.2kg - Trẻ gái: 13.7-24.9 kg + Chiều cao: - Trẻ trai: 100.7- 119.2cm - Trẻ gái: 99.9-118,9cm + Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.

MT2. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá.... có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều VTM.	+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm: Nhóm giàu chất bột(gạo, ngô, khoai..), nhóm giàu chất đạm: thịt, trứng , cá...
MT3. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	+ Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thức phẩm, món ăn: Rau luộc, rau xào, canh rau, thịt rim, trứng rán.
MT4. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ chất đủ lượng. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng.....)
MT5. Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở (tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng...)	+ Tập đánh răng, súc miệng. + Thực hiện vệ sinh cá nhân rửa tay bằng xà phòng, nước sát khuẩn, lau mặt. + Tự xúc cơm ăn gọn gàng không làm đổ thức ăn. + Tự tháo tất,cởi quần áo... <i>- Dạy trẻ kỹ năng mặc, cởi quần áo, đi tất.</i> + Sử dụng khăn mặt, cốc uống nước đúng cách
MT6. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	+ Mời cô, mời bạn trước khi ăn, ăn gọn gàng, hết suất; Không uống nước lã; Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng , mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học; Nhận biết một số biểu hiện khi ốm; + Dạy trẻ kỹ năng “Đeo khẩu trang đúng cách” “Rửa tay bằng xà phòng, nước sát khuẩn”. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT7. Nhận biết một số vật dụng, nơi nguy hiểm	+ Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm không đến gần: bàn là, phích nước nóng, phích điện, ổ cắm điện...Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. + Không chơi những nơi nguy hiểm: ao, hồ sông, bể chứa nước, giếng, hố vôi <i>- Dạy trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước</i>
MT8. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Tự phòng tránh một số hành động nguy hiểm: - Không tự lấy thuốc uống, không ăn thức ăn có mùi ôi. không leo trèo bàn ghế, lan can, không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt. + Không đi ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo, không đi theo người lạ: <i>- Dạy trẻ : Kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ.</i>
MT9. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ khi gặp trường hợp khẩn cấp.	+ Gọi người lớn khi: Trường hợp chảy máu, rơi xuống nước, cháy + Gọi người giúp đỡ: Khi bị lạc, nói tên, địa chỉ

	gia đình, điện thoại của bố, mẹ..
MT10. Trẻ thực hiện được đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục.	+ Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; Co duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực + Lung, bụng, lườn: Cúi về phía trước; quay, nghiêng sang trái, phải. + Chân: Nhún chân, bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ, co duỗi chân.
MT11. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	+ Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi, bước lùi liên tiếp khoảng 3m. + Đi liên tục trên ghế thể dục. + Đi trên ghế băng đầu đội túi + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
MT12. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn(4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi, chạy theo đường đích dắc (4 - 5 điểm)
MT13. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền, tung, ném, đập, bắt bóng:	+ Đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp + Tung, bắt bóng với người đối diện (bắt được 3 lần liên không rơi bóng 3m). + Tung bóng lên cao và bắt bóng + Lăn bóng và di chuyển theo bóng + Ném xa bằng 1 tay + Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích ngang (2m) + Ném trúng đích đứng (1,5m x cao 1,2m) + Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Chuyền bóng qua đầu qua chân.
MT14. Thực hiện phối hợp các cơ quan trong cơ thể trong các vận động : Trườn, bò, trèo.	+ Trườn theo hướng thẳng. + Trườn sắp kết hợp trèo qua ghế. + Bò chui qua cổng + Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4m + Bò đích dắc qua 5 điểm + Trèo lên xuống 5 giống thang. + Trèo qua ghế dài 1,5mx30m
MT15. Thể hiện mạnh dạn, tự tin trong vận động: Bật, nhảy	+ Bật liên tục về phía trước. + Bật qua vật cản.(cao 10-15cm) + Bật xa 35 - 40 cm. + Bật- nhảy từ trên cao xuống(30-35cm). + Bật tách, khép chân qua 5 ô + Nhảy lò co 3m.

MT16. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây; Bò đích dắc (3-4 điểm đích dắc cách nhau 2m); Bật xa 35-40 cm...
MT17. Trẻ thực hiện được các vận động: Cuộn- Xoay tròn cổ tay; Gập, mở các ngón tay.	+ Cuộn xoay tròn cổ tay. - Gập, mở các ngón tay.
MT18. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số HĐ.	+ Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... + Vẽ nhà, người, cây + Biết tết sợi đôi + Xây dựng lắp ráp 10 – 12 khối + Xé dán giấy + Cắt thành thạo theo đường thẳng + Sử dụng kéo, bút. + Tô vẽ nguệch ngoạc, vẽ được hình tròn theo mẫu + Cài, cởi cúc áo. Xâu, buộc dây
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học MT19. Quan tâm, đến sự thay đổi với các sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng.	+ Đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây lại ướn?... khi: - Quan sát sự phát triển của cây...(trải nghiệm gieo hạt, quan sát sự phát triển của cây) - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa: Mùa đông thì lạnh, Mùa hè nóng bức,... - Quan sát nắng, mưa, thời tiết, bầu trời và ảnh hưởng của nắng mưa... đến sinh hoạt của con người.

MT20. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng, ích lợi của các con vật, cây cối, hoa quả, rau, PTGT - Trẻ biết tên một số quả, con vật gặm, đồ dùng gia đình(bàn, ghế), các con vật, một số quả, PTGT bằng tiếng anh.	+ Phối hợp các giác quan để xem xét, tìm hiểu: - Một số loại rau - Một số loại hoa, quả. - Một số con vật quen thuộc. - Một số phương tiện giao thông. - Đồ dùng gia đình + Đồ dùng gia đình: Table (bàn); Chair (ghế) ; Window (cửa sổ); Door(cửa) - Một số loại quả: apple (Quả táo), banana (quả chuối), orange (quả cam),... - Một số con vật quen thuộc: Horse (con ngựa); Sheep (con cừu);Cow (con bò); Bird(con chim) Duck (con vịt); Cat (con mèo) Dog (con chó); Donkey (con lừa) - Một số phương tiện giao thông: Truck (xe tải); Airplane (máy bay);Bus (xe buýt); Train (xe lửa); Car (ô tô); Taxi (xe tắc xi); Bike (xe đạp) Motorbike (xe máy); Boat (thuyền) - Màu sắc: White (trắng); blue (xanh dương); black (đen); red (đỏ); pink (hồng); green (xanh lá); orange (cam); yellow (vàng); purple (tím)...
MT21. Trẻ biết chức năng của các giác quan và 1 số bộ phận khác của cơ thể. Biết nhu cầu của bản thân. - Nói được tên 1 số bộ phận trên cơ thể bằng tiếng anh	+ Nhận biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Nhu cầu của bản thân. (Cần gì lớn lên và khỏe mạnh) - Hand (tay), Foot (chân), nose (mũi); eye (mắt), ear (tai), belly (bụng), back (lưng)
MT22. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	+Thả vật chìm nổi. +Pha màu nước, pha đường, muối.
MT 23. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	+ Phân loại: đồ dùng đồ chơi, một số phương tiện giao thông, cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu: - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. - Đồ dùng trong gia đình - Một số loại hoa, loại quả... - Cây xanh - Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước...

MT 24 .Trẻ nhận biết một số đặc điểm về hiện tượng tự nhiên - Nói được tên 1 số hiện tượng tự nhiên bằng tiếng anh	+ Hiện tượng thời tiết, sự khác nhau về ngày và đêm; đặc điểm, tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người và cây cối, con vật. + Một số đặc điểm, tính chất của nước - Bé biết gì về nước - Một số hiện tượng tự nhiên - Đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Một số nguồn nước + ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Các nguồn nước trong môi trường sống, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước . - Star (Ngôi sao); Sunny (nắng); Rainny (mưa); Windy (gió); Snowy (tuyết); Cloudy (mây)
MT 25. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản	+ Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản (vd: làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn...)
MT 26. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 đồ dùng, đồ chơi: - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. - Đồ dùng trong gia đình + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả: - Một số loại rau - Một số loại hoa, quả; Cây xanh - Một số con vật quen thuộc. - Một số PTGT
MT 27. Thể hiện được một số điều hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	+ Hiểu được mối quan hệ trong các trò chơi, thể hiện các vai chơi.(Bác sỹ, Mẹ con, cô bán hàng...) + Thể hiện tình cảm trong các bài hát, sản phẩm tạo hình: - Hát các bài hát về cây, hoa, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi.....
<i>Khám phá xã hội</i>	

MT 28. Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân; họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình. Nói được địa chỉ, nhu cầu gia đình mình... khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh, ảnh - Nói được tên, tuổi của bản thân bằng tiếng anh.	+ Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân: - Bé tự giới thiệu về mình + Họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình và công việc của họ. - Gia đình bé - Ngôi nhà thân yêu của bé - Nhu cầu gia đình - <i>Dạy trẻ kỹ năng lễ phép khi ở nhà</i> - My name is ...(Tên tôi là...); I am <u>three/four/five</u>... year old(Tôi 3/4/5 tuổi)
MT29. Nói được tên và địa chỉ trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo các cô bác trong trường, tên và một vài đặc điểm của các bạn , các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	+ Tên, địa chỉ của trường. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác trong trường. + Tên lớp mẫu giáo, tên các bạn, tên và công việc của cô giáo + Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.
MT30. Kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, và ích lợi của 1 số nghề phổ biến.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các số nghề phổ biến.(Nghề làm ruộng, bác sỹ, cô giáo,Thợ xây..) - <i>Thăm quan cánh đồng lúa, ngô, lạc</i>
MT31. Kể tên và nói được đặc điểm một số ngày lễ hội	- Nhận biết các hoạt động trong ngày hội trong trường mầm non và lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước: + Bé vui Tết trung thu + Vui ngày hội cô giáo(20/11) + Ngày tết của chú bộ đội.(22/12) + Lễ hội Mừng Xuân + Ngày vui 08/3 + Ngày sinh nhật Bác Hồ(19/5). + Ngày tết thiếu nhi 1/6 - Hoạt động trải nghiệm: + Làm quà tặng chú bộ đội + Trang trí ngày tết.... + Làm đèn lồng, đèn ông sao + Trải nghiệm làm thiệp, gói quà tặng cô, tặng mẹ + Làm câu đối tết, thiệp chúc mừng... + Bé vui hội xuân(Gói bánh chưng, thiệp chúc mừng, làm câu đối, bày mâm ngũ quả....)
MT32. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. Bác hồ kính yêu.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương. Quê hương, Bác Hồ: Quê hương Diên Phúc: (Di tích văn hóa phi vật thể Họ Trần Đức Lương- ở Thôn Yên Xuân, Đình làng ở thôn Tràng Thân); Diên Châu, nghệ An với những địa danh: Đèn An

	Dương Vương, Hồ xuân dương, Sông bùng, lèn Hai Vai, quê Bác Hồ, Quảng Trường Hồ Chí Minh.... - Tham quan (Di tích văn hóa phi vật thể Họ Trần Đức Lương- ở Thôn Yên Xuân, Đình Làng ở Thôn Tràng Thân); Thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ.
Làm quen với toán	
MT33. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; so sánh đối tượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau Đếm được từ 1-5 bằng tiếng anh.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. + Sự khác biệt rõ nét về số lượng của 2 nhóm đồ vật. Sử dụng đúng từ: nhiều hơn-ít hơn. - Dạy trẻ nhận biết số lượng 1-2, đếm đến 2, so sánh 1 và 2 - Đếm đến 3 nhận biết nhóm có 3 đối tượng. - Đếm đến 4 nhận biết nhóm có 4 đối tượng. - Đếm đến 5 nhận biết nhóm có 5 đối tượng. - one (một), two (hai) , three (ba), four (bốn), five (năm)
MT34. Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	- Tách, gộp trong phạm vi 3; - Tách, gộp trong phạm vi 4. -Tách, gộp trong phạm vi 5.
MT35. Quan tâm đến chữ số, số lượng . Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	+ Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
MT36. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết các thứ trên tờ lịch, số xe, biển xe, số điện thoại...)
MT37. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	+ So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Xếp tương ứng 1-1, Ghép đôi - Sắp xếp theo quy tắc
MT38. Trẻ biết so sánh hai, ba đối tượng và cách đo độ dài, đo dung tích và nói kết quả đo.	+ So sánh kích thước chiều cao, chiều rộng, chiều dài của 2 -3 đối tượng + Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước + Nhận biết mục đích của phép đo - Đo độ dài 1 vật bằng đơn vị đo - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo. - So sánh chiều dài 2 đối tượng - Cao nhất - Cao hơn - Thấp nhất
MT39. Chỉ ra các đặc điểm giống	+ Nhận biết, phân biệt: hình tròn và tam giác.

nhau, khác nhau giữa 2 hình(hình tròn và tam giác, hình vuông và hình chữ nhật).	+ Nhận biết, phân biệt: Hình vuông và hình chữ nhật.
MT40. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT41. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+ Phân biệt phía phải- phía trái của bản thân và so với bạn khác. + Phía trên - phía dưới. Phía trước - phía sau so bản thân với bạn khác khác . + Xác định vị trí đồ vật so với bạn thân trẻ + Xác định vị trí đồ vật so với bạn khác.
MT42. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	+ Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT43. Trẻ thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp.	+ Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2-3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày.
MT44. Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ.....	+ Nghe hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ.... + Hoa: Hoa lay ơn,hoa hồng, hoa cúc, hoa đồng tiền... + Quả: Cam, xoài, chuối, ổi + Đồ gỗ: bàn, ghế, giường, tủ .. + Các con vật: Trâu, bò, lợn, Chó; gà, vịt; voi, sư tử.. - Hiện tượng tự nhiên: mưa, nắng, sấm, chớp...
MT45. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Giao tiếp Cô- trẻ; Trẻ- trẻ....
MT46. Nói rõ để người nghe có thể hiểu.Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.....	+ Nghe, sử dụng được các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động. + Phát âm các tiếng có âm khó. + Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”.
MT47. Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	+ Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày. + Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu khác nhau. + Trả lời và đặt câu hỏi.
MT 48. Kể lại sự việc theo trình tự.	+ Kể lại được những sự việc có nhiều tình tiết và theo trình tự: Đến trường, đi thăm ông bà, đi chơi công viên.

MT49. Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...

+ Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...phù hợp với độ tuổi.

*** Trường mầm non – Bé vui Trung Thu**

Lên bốn(Nhược Thuỷ), trăng sáng(Nhược Thuỷ và Phương Hoa), cô giáo của em (Chu Huy), Bạn mới (Nguyệt Mai)

*** Bản Thân.**

Đau (Vũ Duy Chu), bé ơi (Phong Thu), tâm sự cái mũi (Phạm Hồ), Cô dạy (Phạm Hồ)

*** Gia đình bé - Vui ngày hội cô giáo**

Em yêu nhà em (Đoàn Thị Lam Luyện), thăm nhà bà (Như Mạo), lấy tăm cho bà (Định Hải), cô giáo của con(Hà Quang), cô và mẹ (Trần Quốc Toàn), gió từ tay mẹ (Vương Trọng), mẹ ốm (Trần Đăng Khoa).

*** Nghành nghề- Ngày TLQĐNDVN**

+ Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), chú giải phóng quân (Cẩm Thơ), cái bát xinh xinh (Thanh Hoà), làm bác sỹ (Lê Ngân), chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh).

***Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân- Vui ngày 8/3.** Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), hoa kết trái (Thu Hà), cây đào (Nhược Thuỷ), bắp cải xanh (Phạm Hồ), hoa đào (Mai Văn Hải), thị (Phạm Hồ), bó hoa tặng cô(Ngô quân Miện), quà mừng 8/3(sưu tầm).

*** Những con vật đáng yêu**

+ Em vẽ (Hoàng Thanh Hà), chim chích bông (Nguyễn Viết Bình), rong và cá (Phạm Hồ), đàn gà con (Phạm Hồ), Những chú lợn con (Nguyễn Lâm Thắng), voi con (sưu tầm).

*** Quy định và phương tiện giao thông**

+ Giúp bà, xe cân cầu (Nguyễn Đức), con đường của bé(Thanh Thảo), đèn xanh đèn đỏ(Định Hải), thuyền giấy(Sưu Tầm), bé và mẹ (Lương Thị Xiêm), em đi máy bay (Phạm Thị Huệ), bé tập đi xe đạp (Cao Thúy Hưng), đi đường em nhớ (Hoàng Văn Yên), đi chơi phố (Trần Nhật Thu).

*** Nước và hiện tượng tự nhiên.**

+ Gió (Xuân Quỳnh), mưa rơi(Trương Thị Minh Huệ), Sấm (Trúc Chi), Ông mặt trời (Trần Thị Bích Hiền), nước (Vương Trọng)

*** Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em**

+ Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn), Buổi

	sáng quê nội (Nguyễn Lâm Thắng), Về quê (Nguyễn Lâm Thắng), Em về Bác Hồ (Thy Ngọc). * Đồng Dao + Chú cuội ,thằng Bờm, nhớ ơn, ông Cha như núi thái sơn, rềnh rềnh ràng ràng, dích dích dắc dắc, con cò bay lã bay la, trời mưa trời gió. * Ca Dao + Con diều, tay đẹp, con kiến mà leo cành đa , Con gà tục tác tá chanh, dung dăng dung dẻ, em tôi buồn ngủ buồn nghê, cái cò đi đón cơn mưa, mười hai tháng gió, dung dăng dung dẻ, em tôi buồn ngủ buồn nghê,
MT50. Trẻ biết lắng nghe kể truyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện	Chủ đề: *Trường Mầm Non -Bé vui Trung Thu + Vì sao bé bín nín khóc (Phương Dung), món quà cô giáo (Tú Anh), sự tích chú cuội cung trăng(truyện cổ tích VN), Nếu không đi học (Nguyễn Thị Quế) *Bản thân + Ngôi nhà ngọt ngào (Vũ Bội Tuyền), gấu con bị sâu răng(Phan Lan Anh- Lương Bình), Ai biết ăn dè (Sưu tầm) * Gia Đình Bé - Vui ngày hội cô giáo + Thỏ dọn nhà (Bùi Thị Hè), gấu con chia quà (Thái Chí Thanh), tích chu(Phổng theo sự tích chim cu), mẹ con linh dương (Lê Nhật Ký), một bó hoa tươi thắm (Phạm Mai). * Ngành nghề- Ngày TLQĐNDVN + Người làm vườn và các con trai (Lép Tôn-Xtoi), sự tích quả dưa hấu (Truyện dân gian VN), sự tích cây khoai lang (Truyện cổ tích), ba chú lợn nhỏ (Truyện cổ tích Anh * Những con vật đáng yêu + Cáo thỏ gà trống (Thu Thủy), dê con nhanh trí(Truyện cổ tích), chú dê đen (Truyện ngụ ngôn), rùa con tìm nhà (Truyện cổ tích). * Thế giới thực vật- tết và mùa xuân- ngày 8/3. + Sự tích hoa hồng (Truyện cổ tích), sự tích bánh chưng bánh dày(Truyện cổ tích), hạt đỗ sót (Nguyễn Thị Thư), niềm vui từ bát canh cải (Sưu tầm). * Quy Định và phương tiện giao thông
MT51. Biết kể lại truyện có mở đầu, kết thúc.	

	+Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi _ Suu Tâm), qua đường (Võ Lâm Trung), cái hồ bên đường (suu tâm). * Nước và hiện tượng tự nhiên. + Nàng công chúa chuột(Phơ- Răng Ranh Đơ- Nguyễn Huy Đàn Dịch), hồ nước và cô mây(Suu Tâm), đám mây xấu xí(Nguyễn Văn Thắng), cô mây (Nhược Thủy), giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh). * Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em . + Quả táo của Bác hồ(Phỏng theo truyện của Bác Hồ), sự tích Hồ Gươm (Truyện thuyết), niềm vui bất ngờ (Theo Cuốn Bác Hồ Kính Yêu), Ông gióng(Truyện thuyết).
MT52. Sử dụng được các từ: “mời cô”, “mời bạn”, “xin phép”, “thưa”, “dạ”, “vâng”...phù hợp với tình huống.	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Dạy trẻ KN: <i>Bé nói lời yêu thương</i>
MT53. Trẻ biết chọn sách để xem , biết cầm sách đúng chiều, và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc vẹt” theo tranh minh họa.	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Làm quen cách sử dụng sách, cách đọc sách(hướng đọc từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ các dấu, phân biệt đầu, kết thúc của sách). + “Đọc” chuyện qua sách tranh/ tranh vẽ. + Giữ gìn, bảo vệ sách. - Trải nghiệm: <i>Hoạt động ở thư viện của bé</i>
MT54. Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	+ Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT55. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa nơi nguy hiểm	+ Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ, rẽ phải, rẽ trái....
MT56. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	+ Làm quen với cách viết tiếng viết (hướng viết của các nét chữ: từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới). + Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái.
MT57. Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/ chữ viết.	+ Nhận dạng một số chữ cái + Tập tô, đồ các nét chữ.
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT58. Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc gì trẻ có thể	+ Sở thích, khả năng của bản thân.

làm được	
MT59. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Chọn đồ chơi, trò chơi trong hoạt động chơi.
MT60. Cố gắng hoàn thành công việc được giao(trực nhật, dọn đồ chơi...)	+ Hoàn thành công việc được người lớn giao như trực nhật: chia giấy vẽ, cất dọn đồ dùng, đồ chơi..
MT61. Trẻ biết nhận biết và biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động; vẽ; nặn; xếp hình.
MT62. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, xem tranh ảnh cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ: Bài thơ “Bác Hồ của em”, buổi sáng quê nội (Nguyễn Lâm Thắng), hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao), bác thăm nhà cháu. Chuyện: Quả táo của Bác Hồ, Niềm vui bất ngờ (Theo cuốn Bác Hồ kính yêu),
MT63. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	+ Nhận biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Danh Lam thắng cảnh: Chùa Cổ Am, Quảng trường HCM, quê Bác..., lễ hội Đền Công, lễ hội Làng Sen...
MT64. Trẻ thực hiện được một số quy quy định ở lớp và gia đình	+ Một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ...) - <i>Dạy trẻ kỹ năng:</i> Lấy, thu dọn đồ dùng sau khi ngủ dậy(xếp gối, chiếu); cất dọn đồ dùng, đồ chơi sau khi học, chơi xong. + Ở gia đình : Yêu mến Ông Bà, Bố Mẹ, Anh, Chị, Em vâng lời ông bà, bố mẹ, mời trước khi ăn, xin phép trước khi đi và chào hỏi khi về....
MT65. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép - Biết chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng anh	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - <i>Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, xin lỗi, cảm ơn.</i> + Hello/hi! (xin chào), good morning! (chào buổi sáng), goodbye/ bye bye (tạm biệt nhé)
MT66. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói; Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	+ Chờ đến lượt, hợp tác. + Chú ý nghe cô và bạn nói
MT67. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung(chơi, trực nhật...).	+ Quan tâm, giúp đỡ bạn.
MT68. Trẻ biết quan tâm và bảo vệ môi trường sống. Thích chăm sóc cây, con	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối: “ <i>Trải nghiệm làm vườn</i> ”.

vật thân thuộc	+ Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt + Giữ gìn vệ sinh môi trường: - <i>Bỏ rác đúng nơi quy định.</i> - <i>Cùng bé phân loại rác</i> + Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”
MT69. Không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	+ Tiết kiệm điện, nước: Vặn vòi nhỏ khi rửa, rửa xong khóa vòi, rót nước vừa đủ uống.....
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT70 . Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật: - Bức tranh đẹp, bông hoa đẹp, con vật đáng yêu, bài hát hay....
MT71. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư...) theo bài hát, bản nhạc	+ Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca). * Trường Mầm Non - Bé vui Trung Thu + Bàn tay cô giáo(Phạm Tuyên), ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiệp), chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), trường mẫu giáo yêu thương(Hoàng Văn Yến), trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên), đi học (dân ca Thái) * Bản thân + Đường và chân(Hoàng Long), Khám tay (Đào Việt Hưng), Thật đáng chê (Việt Anh), Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên), năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ), Ru con (dân ca Nam Bộ) * Gia Đình Bé - Vui hội cô giáo. + Ba ngọn nến lung linh (Phương Thảo-Ngọc Lễ), Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo), cho con (Phạm Trọng Cầu), tổ ấm gia đình (Hoàng Vân), chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), cô giáo (Đỗ Mạnh Thường), Tâm tình cô giáo mầm non (Phạm Tuấn Khoa), mùa xuân cô nuôi dạy trẻ (Nguyễn Văn Tý), Mẹ ơi có biết (Nguyễn Văn Chung), Gia đình nhỏ hạnh phúc to(Nguyễn Văn Chung), Thương lắm thầy cô ơi (Lê Vinh Phúc), cái bóng(Dân ca đồng bằng bắc bộ) * Những con vật đáng yêu + Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền), con chim vành khuyên (Hoàng Vân), chim bay (Dân ca Nam Trung Bộ), lý con sáo sang sông (Dân ca Nam Bộ), Bà còng đi chợ (Phạm Tuyên), Tôm cá

- Thích nghe 1 số bài hát bằng tiếng anh.	cua thi tài (Hoàng Thị Dinh), đàn gà trong sân (Nguyễn Văn Hiên), gà gáy le te(dân ca trung bộ). * Ngành nghề- Ngày TLQĐNDVN + Hạt gạo làng ta(Trần Viết Đính- Trần Đăng Khoa), màu áo chú bộ đội (Thía Cơ), anh phi công ơi (Vũ Thanh), lớn lên cháu lầy máy cày (Kim Hưng), cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yên), xe chỉ luân kim (Phạm Duy), cháu hát về đảo xa (Trần Xuân Tiến),em đưa cơm cho mẹ em đi cày (Hàn Ngọc Bích). *Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân- Ngày 8/3. + Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh), hoa trong vườn(Dân ca Thanh Hoá), lý cây xanh, lý cây bông (Dân ca Nam Bộ), mùa xuân (Phạm Minh TuấnNgày tết quê em (Tiêu Châu Như Quỳnh), mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện), bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên), Quả (Xanh Xanh), Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục). úp lá khoai(Dân ca Nam bộ), đi cấy(Dân ca Thanh Hóa), cây trúc xinh(Dân ca Nam bộ). * Quy định và Phương tiện giao thông. + Anh phi công ơi(Xuân Giao), em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường), bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân), bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yên), em đi qua ngã tư đường phố(Hoàng Văn Yên), lý kéo chài(Dân ca Nam bộ), Cô dạy bé bài học giao thông (Lâm Trọng Tường), Lời cô dạy (Đặng Hưng) * Nước và hiện tượng tự nhiên. Bèo dạt mây trôi (Dân ca quan họ Bắc Ninh), mưa rơi (Dân ca Xá), mùa hè (Lê Quốc Thắng), mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu), Mưa rơi(Dân ca xê đăng), bèo dạt mây trôi(Dân ca quan họ) *Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em . + Bác Hồ người cho em tất cả(Hoàng Long_ Hoàng Lân), quê hương (Giáp Văn Thạch), ai yêu Bác Hồ Chí Minh (Phong Nhã), em như chim bồ câu trắng (Trần Ngọc), lý chiều chiều(Kim Hữu), xoè hoa (Dân Ca Thái), Bác hồ một tình yêu bao la (Thuận Yên), Cò lả(Dân ca quan họ). + Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ: + Nghe 1 số bài hát bằng tiếng anh: Chúc mừng năm mới(Happy New Year), Body parts (các bộ phận của cơ thể, Happy birthday (chúc mừng sinh nhật, The numbers (những con số),....
--	---

MT 72. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời; Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu, vận động minh họa...) Hát được 1 vài bài hát về tiếng anh đơn giản	* Trường mầm non - Bé vui Trung Thu Vui đến trường (Nguyễn Văn Chung), em đi mẫu giáo (Phạm Tuyên), rước đèn dưới trăng(Đỗ Mạnh Tường), Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền), cô giáo(Đỗ Mạnh Tường) * Bản thân: - Cả tuần đều ngoan(Phạm Tuyên), mời bạn ăn (Trần Ngọc), cái mũi(Việt Đức -Thu Hiền), càng lớn càng ngoan(Đức Bằng). * Gia Đình Bé- Ngày hội cô giáo: Cả nhà thương nhau (Phạm Tuyên), múa cho mẹ xem (Xuân Giao), cháu yêu bà(Xuân Giao), nhà của tôi (Thu Hiền) , cô giáo miền xuôi (Mộng Lân), cô giáo(Đỗ Mạnh Tường). *Nghề Nghiệp- Ngày TLQĐNDVN Chú bộ đội(Hoàng Hà), cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yên), lớn lên cháu lớn máy cày(Kim Hữu) * Những con vật đáng yêu Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh), thật là hay (Hoàng Lân), cá vàng bơi(Nguyễn Hà Hải), con chim non(Dân Ca Pháp), voi làm xiếc (Phan Hiền), con chuồn chuồn(Vũ Đình Lê), đồ bạn (Hồng Ngọc). *Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân- Ngày vui 8/3 Bắp cải xanh(Tường Vân), sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), hoa trường em (Dương Hưng Bang), quả(Xanh Xanh), (Hoàng Văn Yên), mùa xuân đến rồi (Trần Chung), ngày vui 8/3(Hoàng Văn Yên), quà 8/3(Nguyễn Quốc Tây). *Quy định và PTGT: Đèn xanh đèn đỏ(Thế Hội), đường em đi (Tường Vân), em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yên), đi đường em nhớ (Nguyễn Thị Thanh) * Nước và hiện tượng tự nhiên: Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), trời nắng trời mưa (Hoàng Sơn), cho tôi đi làm mưa với(Hoàng Hà) , *Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em: Em yêu thủ đô(Bảo Trọng), đêm trung thu(Phùng Như Thạch), nhớ ơn bác (Phan Huỳnh Điểu), quê hương tươi đẹp(Dân ca Nùng). + Hát được 1 số bài hát tiếng anh đơn giản:
MT73 . Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	

	- Happy Birthday (Chúc mừng sinh nhật) - I like animals (tôi yêu động vật) - If you are happy song (bài hát nếu bạn vui vẻ) - Feelings song (bài hát về cảm xúc) - One two three song (bài hát 1,2,3) - Pencil song (bài hát về bút chì) - Let's go kids (các bé hãy đi nào) - Claps your hand (vỗ tay) - How's the weather? (thời tiết như thế nào?)
MT 74. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên được cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình	+ Chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
MT75 . Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	+Trang trí áo bé trai, váy bé gái. +Trang trí khung ảnh Bác Hồ. +Trang trí dây hoa chào mừng ngày 30/4 - 1/5. + Làm quà tặng cô giáo, tặng bà, tặng mẹ. + Làm Thiệp chúc mừng + Trang trí bưu thiếp ngày tết. + Trang trí khăn quàng cô; + Tạo hình rau, củ, quả; + Làm các con vật từ nguyên phế liệu. + Làm đèn giao thông + Làm búp bê bằng rom + Làm mái tóc từ nguyên vật liệu thiên nhiên. + Gấp quạt giấy. + Làm đồ dùng, dụng cụ của chú bộ đội. + Làm thiệp chúc mừng ngày 8/3. + Gấp máy bay. + Gấp thuyền. + Làm phao bơi. + Làm chong chóng từ lá dừa + Trang trí khung ảnh Bác Hồ;

MT76. Trẻ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc bố cục; Có kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong	+ Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường. + Tô màu cô giáo và các bạn. + Vẽ, tô màu đồ chơi trong lớp học. + Tô màu , trang trí áo bé trai bé gái + Tô màu vòng đeo cổ. + Vẽ, tô màu ngôi nhà. + Vẽ, tô màu người thân trong gia đình + Vẽ, tô màu cây xanh. + Vẽ tô màu rau, củ, quả. + Vẽ, tô màu vườn hoa mùa xuân. + Vẽ, tô màu con mèo. + Vẽ tô màu con bướm. + Vẽ, tô màu: tàu hỏa. + Vẽ, tô màu chú cảnh sát giao thông. + Vẽ , tô màu Ô tô. + Vẽ Cảnh mùa hè. + Vẽ chiếc ô + Cắt dán khuôn mặt biểu lộ cảm xúc. + Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo. + Xé dán bông hoa, trang trí cửa sổ. + Cắt dán cái thang cho chú công nhân. + Xé dán quả + Cắt dán con vật sống dưới nước. + Xé dán máy bay trực thăng. + Xé dán mặt trời và những đám mây.
MT77. Trẻ biết cách làm lồm, đồ bẹt, bẻ lẹo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	+ Nặn bánh trung thu + Nặn đồ dùng trong gia đình. + Nặn dụng cụ, sản phẩm của các nghề..... + Nặn mâm ngũ quả + Nặn các con vật... + Nặn các con vật + Nặn quà tặng bà, tặng mẹ... + Nặn thú rừng + Nặn cái ô. + Nặn cái phao bơi.
MT78. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	+ Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm: Xếp nhà cầu, đường, bàn ghế,
MT79. Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	+ Nhận xét các sản phẩm tạo hình.
MT80. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình; Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

<i>Mục tiêu giáo dục tăng cường</i>	
MT81. Tin học: Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM	+ Di chuột , điều khiển chuột chơi các trò chơi trên máy tính, Ipat và các trò chơi ứng dụng steam
MT82. Ngoại ngữ: Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình	- Trẻ nói tên các con vật, màu sắc, đồ chơi, các bộ phận cơ thể - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc một số câu, từ đơn giản trong giao tiếp và khi được hỏi về bản thân, gia đình
MT83. Múa: Trẻ nắm được cơ bản các thế tay, chân và thực hiện được 2-3 bài múa	- Trẻ thực hiện cơ bản các tư thế tay, chân - Trẻ múa 2-3 bài múa, đồng diễn